|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG**

**GIÁO DỤC TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**

Trình độ đào tạo : Trung cấp chuyên nghiệp

Ngành đào tạo : **DÂN SỐ Y TẾ**

Mã ngành :

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2010/TT-BGDĐT*

*ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. GIỚI THIỆU VÀ MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp ngành Dân số Y tế thuộc khối ngành khoa học sức khỏe dùng chung cho các trường, cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp có mở ngành trung cấp Dân số y tế. Sau khi học xong, người học được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp với chức danh Dân số y tế.

Nội dung khoá đào tạo bao gồm những kiến thức cơ bản về chính trị, tin học, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, pháp luật, giáo dục quốc phòng - an ninh, những kiến thức cơ bản về giải phẫu - sinh lý, vi sinh vật - ký sinh trùng, dược lý, kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khoẻ, nguyên lý thống kê, những kiến thức chuyên môn về y học lâm sàng, chăm sóc sức khoẻ ban đầu, quản lý và tổ chức y tế, vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng, dân số học cơ bản, thống kế dân số y tế, dân số và phát triển, chính sách dân số, chăm sóc sức khoẻ ban đầu/ kế hoạch hoá gia đình, tuyên truyền vận động và truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số/sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hoá gia đình, quản lý các chương trình dân số/ sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hoá gia đình, các học phần thực tập cơ bản về nghề nghiệp, học phần tự chọn, thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp khoá đào tạo.

Học xong chương trình này, người học có đủ năng lực để được tuyển dụng vào làm việc tại các Trung tâm Dân số - Kế hoạch hoá gia đình quận/huyện/thị xã; Trung tâm y tế các quận/huyện/thị xã; Trạm y tế xã/ phường/thị trấn, và có thể học liên thông lên bậc cử nhân Y tế công cộng.

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT.

**II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

**1. Kiến thức**

Trình bày được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân, dân số - kế hoạch hoá gia đình, những nội dung cơ bản của Luật bảo vệ chăm sóc sức khoẻ nhân dân, pháp lệnh dân số.

Trình bày được các nội dung cơ bản về giải phẫu sinh lý người, vi sinh y học, dược lý học, tâm lý học y học, xã hội học sức khỏe, y học lâm sàng, y học dự phòng, hệ thống tổ chức bộ máy y tế Việt Nam và các chương trình y tế quốc gia.

Trình bày được những kiến thức cơ bản về dân số, dân số và phát triển, thống kê dân số, truyền thông dân số - kế hoạch hoá gia đình, chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình quốc gia, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình.

**2. Kỹ năng**

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch về dân số - kế hoạch hoá gia đình; phối hợp lập kế hoạch, triển khai các chương trình y tế tại địa phương.

Tổ chức, phối hợp thu thập số liệu và lập được các báo cáo thống kê, hàng tháng, quí, năm về công tác dân số y tế.

Tổ chức, phối hợp thực hiện được công tác truyền thông dân số - kế hoạch hoá gia đình, tổ chức thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khoẻ sinh sản tại địa phương.

Tổ chức quản lý, thực hiện cung cấp dịch vụ, tư vấn, hướng dẫn khách hàng thực hiện các biện pháp về chăm sóc sức khoẻ, kế hoạch hoá gia đình nâng cao chất lượng dân số.

Tổ chức, phối hợp thực hiện các cuộc giám sát, đánh giá công tác dân số y tế tại cơ sở xã/phường/thị trấn.

Phát hiện và tư vấn một số bệnh thường gặp liên quan đến sức khoẻ sinh sản/ kế hoạch hoá gia đình.

**3. Thái độ**

Trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp.

Có thái độ đúng mực khi thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe, dân số - kế hoạch hoá gia đình, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách của Nhà nước về dân số y tế.

Tôn trọng và hợp tác tốt với đồng nghiệp.

Khiêm tốn, có ý thức học tập vươn lên.

**III. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng tối thiểu và thời gian đào tạo:**

Tổng khối lượng chương trình: 103 đơn vị học trình (ĐVHT).

Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng)

2. **Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số đơn vị học trình** | **Số tiết (Số giờ)** | **Số tuần** |
| 1 | Các học phần chung | 22 | 435 tiết |  |
| 2 | Các học phần cơ sở | 11 | 195 tiết |  |
| 3 | Các học phần chuyên môn | 46 | 810 tiết |  |
| 4 | Các học phần tự chọn | 6 | 120 tiết |  |
| 5 | Thực tập cơ bản (thực tập lâm sàng và cộng đồng) | 13 | 760 giờ | 19 |
| 6 | Thực tập tốt nghiệp | 5 | 320 giờ | 8 |
|  | **Cộng** | **103** |  |  |

**3. Các học phần của chương trình và thời lượng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các học phần** | **Số tiết** | | | **Số đơn vị học trình** | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Tổng số** |
| **I** | **Các học phần chung** | **255** | **180** | **435** | **17** | **5** | **22** |
| 1 | Chính trị | 60 | 30 | 90 | 4 | 1 | 5 |
| 2 | Ngoại ngữ | 60 | 30 | 90 | 4 | 1 | 5 |
| 3 | Tin học | 30 | 30 | 60 | 2 | 1 | 3 |
| 4 | Giáo dục thể chất | 15 | 45 | 60 | 1 | 1 | 2 |
| 5 | Giáo dục quốc phòng - an ninh | 30 | 45 | 75 | 2 | 1 | 3 |
| 6 | Pháp luật | 30 | 0 | 30 | 2 | 0 | 2 |
| 7 | Học phần tự chọn (Một trong hai học phần sau) | ***30*** | ***0*** | ***30*** | ***2*** | ***0*** | ***2*** |
| 7.1 | Kỹ năng giao tiếp | 30 | 0 | 30 | 2 | 0 | 2 |
| 7.2 | Khởi tạo doanh nghiệp | 30 | 0 | 30 | 2 | 0 | 2 |
| **II** | **Các học phần cơ sở** | **135** | **60** | **195** | **9** | **2** | **11** |
| 1 | Giải phẫu - Sinh lý | 45 | 30 | 75 | 3 | 1 | 4 |
| 2 | Vi sinh - Ký sinh trùng | 15 | 0 | 15 | 1 | 0 | 1 |
| **STT** | **Các học phần** | **Số tiết** | | | **Số đơn vị học trình** | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Tổng số** |
| 3 | Dược lý | 30 | 0 | 30 | 2 | 0 | 2 |
| 4 | Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe | 15 | 30 | 45 | 1 | 1 | 2 |
| 5 | Nguyên lý thống kê | 30 | 0 | 30 | 2 | 0 | 2 |
| **III** | **Các học phần chuyên môn** | **555** | **255** | **810** | **37** | **9** | **46** |
| 1 | Y học lâm sàng | 90 | 30 | 120 | 6 | 1 | 7 |
| 2 | Chăm sóc sức khoẻ ban đầu | 45 | 0 | 45 | 3 | 0 | 3 |
| 3 | Quản lý và tổ chức y tế | 30 | 0 | 30 | 2 | 0 | 2 |
| 4 | Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng | 60 | 15 | 75 | 4 | 1 | 5 |
| 5 | Dân số học cơ bản | 30 | 30 | 60 | 2 | 1 | 3 |
| 6 | Thống kê dân số y tế | 60 | 30 | 90 | 4 | 1 | 5 |
| 7 | Dân số và phát triển | 45 | 30 | 75 | 3 | 1 | 4 |
| 8 | Chính sách dân số | 45 | 0 | 45 | 3 | 0 | 3 |
| 9 | Chăm sóc sức khoẻ sinh sản/ Kế hoạch hoá gia đình | 60 | 30 | 90 | 4 | 1 | 5 |
| 10 | Tuyên truyền vận động và truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số/Sức khoẻ sinh sản/ Kế hoạch hoá gia đình | 30 | 30 | 60 | 2 | 1 | 3 |
| 11 | Quản lý chương trình dân số/Sức khoẻ sinh sản/ Kế hoạch hoá gia đình | 60 | 60 | 120 | 4 | 2 | 6 |
| **IV** | **Các học phần tự chọn** | **60** | **60** | **120** | **4** | **2** | **6** |
|  |  | **Số tuần** | | | **Số đơn vị học trình** | | |
| **V** | **Thực tập cơ bản** | **0** | **19** | **19** | **0** | **13** | **13** |
| 1 | Thực tập chăm sóc sức khoẻ ban đầu, vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng (tại cộng đồng) dân cư |  | 3 | 3 |  |  |  |
| 2 | Thực tập lâm sàng tại khoa Nội - Ngoại - Nhi - Truyền nhiễm tại Bệnh viện Đa khoa |  | 5 | 5 |  |  |  |
| 3 | Thực tập chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình tại khoa sản và Bệnh viện Phụ sản |  | 3 | 3 |  |  |  |
| **STT** | **Các học phần** | **Số tuần** | | | **Số đơn vị học trình** | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Tổng số** |
| 4 | Thực tập tuyên truyền vận động và truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình tại cộng đồng |  | 2 | 2 |  |  |  |
| 5 | Thực tập thống kê dân số (tại Trung tâm y tế quận/huyện, trạm y tế) |  | 3 | 3 |  |  |  |
| 6 | Thực tập quản lý chương trình dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình (tại Trung tâm dân số quận/ huyện, trạm y tế xã/ phường). |  | 3 | 3 |  |  |  |
| **VI** | **Thực tập tốt nghiêp** | **0** | **8** | **8** | **0** | **5** | **5** |
|  | **Tổng số** |  |  |  | **67** | **36** | **103** |

### IV. THI TỐT NGHIỆP

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** |
| **1** | **Chính trị**  Nội dung thi thuộc chương trình học phần Chính trị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |
| **2** | **Lý thuyết tổng hợp** |
| 2.1 | Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng |
| 2.2 | Thống kê dân số y tế |
| 2.3 | Chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình |
| 2.4 | Quản lý chương trình dân số/Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình |
| 2.5 | Tuyên truyền vận động và truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số/ Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình |
| **3** | **Thực hành nghề nghiệp** |
| 3.1 | Học sinh chủ động thu thập thông tin (Hướng dẫn của nhà trường) |
| 3.2 | Lập kế hoạch thực hiện công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình năm |

**V. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN**

**1. Giáo dục quốc phòng - an ninh**

Học phần này giới thiệu những vấn đề cơ bản về truyền thống quân đội Nhân dân Việt Nam và nghĩa vụ của người thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung học phần gồm những kiến thức và kỹ năng quân sự cần thiết, làm cơ sở để người học thực hiện nhiệm vụ quân sự trong nhà trường, vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ quốc phòng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Sau khi học xong học phần này, người học sẽ thực hiện được những thao tác kỹ thuật về: Điều lệ đội ngũ, bắn súng AK, ném lựu đạn, chiến thuật tiến công và phòng ngự trong chiến đấu và rèn luyện được tác phong quân sự trong sinh hoạt, học tập, góp phần giữ vững trật tự, an ninh trong nhà trường.

**2. Chính trị**

Học phần này giới thiệu những chủ trương, chính sách lớn của Nhà nước, những quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam và tính tất yếu của sự đổi mới trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về nguyên lý, lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Sau khi học xong học phần này người học sẽ vận dụng được những kiến thức được học vào thực tiễn rèn luyện đạo đức, học tập và công tác của bản thân.

**3. Pháp luật**

Học phần này cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về Nhà nước - Pháp luật và một số luật cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất của Nhà nước và pháp luật, kiểu nhà nước, kiểu pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và vấn đề tăng cường pháp chế. Trên cơ sở đó, tìm hiểu và nghiên cứu về Nhà nước và pháp luật Việt Nam, một số ngành luật.

Sau khi học xong học phần này người học rèn luyện thói quen chấp hành pháp luật. Biết lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với yêu cầu của pháp luật, tôn trọng nội quy, kỷ luật học tập, kỷ cương xã hội.

**4. Giáo dục thể chất**

Học phần này giới thiệu vai trò và tác dụng của thể dục thể thao đối với sự phát triển con người toàn diện.

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản ở một số môn thể thao thích hợp theo điều kiện của từng trường nhưng không ngoài việc rèn luyện phát triển 4 tố chất "nhanh, mạnh, bền bỉ, khéo léo".

Sau khi học xong học phần này người học vận dụng những kiến thức đã học để thường xuyên luyện tập thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe để học tập và công tác tốt.

**5. Ngoại ngữ**

Học phần này cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng ngoại ngữ. Nội dung bao gồm những vấn đề căn bản về ngôn ngữ, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng.

Sau khi học xong học phần này người học có thể trình bày được cấu trúc ngữ pháp cơ bản, có được một vốn từ căn bản và cần thiết để có khả năng nghe, nói, đọc, viết, giao tiếp thông thường ở mức tối thiểu và có thể đọc hiểu tài liệu, trao đổi và sưu tầm thông tin phục vụ học tập, nghiên cứu bằng ngoại ngữ với sự trợ giúp của Từ điển làm nền tảng để tiếp cận khoa học kỹ thuật, học tập và nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, tạo cơ hội cho học sinh nâng cao kiến thức và ý thức về những khác biệt văn hoá liên quan đến việc sử dụng ngoại ngữ hợp tác trong lao động và giao tiếp.

**6. Tin học**

Học phần này giới thiệu một số kiến thức chung về tin căn bản, công nghệ thông tin và truyền thông, giới thiệu khái quát hệ điều hành Windows và các phần mềm ứng dụng văn phòng.

Nội dung học phần gồm những khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông; khai thác và sử dụng máy tính; sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng cơ bản.

Sau khi học xong học phần này người học có thể sử dụng được các hệ điều hành MS-DOS, WINDOWS để vận hành và quản lý hoạt động của máy tính và thực hành được trên một số phần mềm tin học văn phòng.

**7. Học phần tự chọn**

***7.1. Kỹ năng giao tiếp***

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức chung và các kỹ năng thông thường về giao tiếp trong nhà trường, trong cuộc sống hàng ngày và trong công việc. Học phần này trước hết cần dạy cho học sinh biết trình bày một vấn đề bằng tiếng Việt một cách rõ ràng, ngắn gọn, đúng ngữ pháp, đúng chính tả. Tạo cho học sinh có thói quen tự sửa chữa khi viết sai, nói sai, từ đó tạo ra sự tự tin khi cần trình bày một vấn đề trước đám đông hoặc khi tranh luận.

Sau khi học xong học phần này, người học trình bày được ý nghĩa và sự cần thiết của kỹ năng giao tiếp; phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình giao tiếp; thực hiện hiệu quả các cuộc giao tiếp thông thường qua bày tỏ bằng thái độ, lời nói và văn bản; có khả năng thực hiện giao tiếp thân thiện, tổ chức tốt các cuộc họp tại nơi làm việc và thực hiện được những cuộc trao đổi công việc linh hoạt và thành công.

***7.2. Khởi tạo doanh nghiệp***

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp và tổ chức của doanh nghiệp; các nguyên tắc lựa chọn loại hình doanh nghiệp để kinh doanh và các điều kiện để trở thành nhà quản lý doanh nghiệp; các thủ tục chính cần thiết khi thành lập doanh nghiệp; kinh doanh và định hướng ngành nghề kinh doanh; các bước lập kế hoạch kinh doanh và thực thi kế hoạch kinh doanh.

Học xong học phần này, người học trình bày các khái niệm về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, tổ chức của doanh nghiệp, các nguyên tắc, lựa chọn loại hình doanh nghiệp để kinh doanh, các điều kiện để trở thành nhà quản lý doanh nghiệp và các thủ tục chính cần thiết khi thành lập doanh nghiệp; có khả năng xác định ngành nghề kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh và xây dựng kế hoạch hành động để khởi sự kinh doanh trong một lĩnh vực của nền kinh tế.

**8. Giải phẫu - Sinh lý**

Học phần này trang bị cho nguời học kiến thức cơ bản tối thiểu về vị trí, hình thể, đại thể, vi thể và liên quan của các cơ quan trong cơ thể người bình thường; biết được chức năng sinh lý của từng cơ quan và các hoạt động điều hòa chức năng các cơ quan đó.

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản tối thiểu về giải phẫu đại thể, vi thể và sinh lý các cơ quan.

Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về giải phẫu, sinh lý để học tập, nghiên cứu các học phần sau: triệu chứng học, bệnh học, điều trị và chăm sóc người bệnh.

**9. Vi sinh - Ký sinh trùng**

Học phần này giúp người học mô tả được đặc tính sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh và ký sinh trùng và kỹ năng nhận định hình thể của một số loại vi khuẩn và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản tối thiểu về vi sinh vật y học, ký sinh trùng y học, đáp ứng của cơ thể người đối với việc xâm nhập của các loại mầm bệnh vi sinh vật, ký sinh trùng, đặc điểm cấu tạo và khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật, ký sinh trùng thường gặp.

Sau khi học xong phần này, người học có khả năng vận dụng các kiến thức về vi sinh học, ký sinh trùng học để học tập, nghiên cứu các học phần sau như: vệ sinh phòng bệnh, tiêm chủng, các bệnh truyền nhiễm.

**10. Dược lý**

Học phần này giới thiệu những khái niệm cơ bản về thuốc và những tác dụng của thuốc trong cơ thể.

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về tác dụng và cách sử dụng các loại thuốc thông thường, tác dụng không mong muốn của thuốc và cách phòng ngừa. Trên cơ sở đó, biết cách hướng dẫn, bảo quản, sử dụng thuốc một cách hiệu quả an toàn.

Sau khi học xong học phần này người học sẽ vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế bảo quản, sử dụng thuốc trong cộng đồng và gia đình.

**11. Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khoẻ**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản tối thiểu về tâm lý, hành vi giao tiếp; các quy tắc ứng xử trong giao tiếp.

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về lý thuyết giao tiếp, kỹ năng giao tiếp và phát triển kỹ năng giao tiếp với người bệnh. Tư vấn - thực hành một quá trình giao tiếp đặc biệt.

Sau khi học xong học phần này người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giao tiếp và biết lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp, khéo léo trong từng hoàn cảnh cụ thể.

**12. Nguyên lý thống kê**

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các nguyên lý thống kê kinh tế - xã hội.

Nội dung của học phần bao gồm ph­ương pháp luận về thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu, tính toán các đặc trưng của đối tượng nghiên cứu.

Sau khi học xong học phần này người học có thể vận dụng các kiến thức được học phục vụ cho quá trình nhận biết, tiếp cận điều tra, phân tích dự đoán các hiện t­ượng và quá trình kinh tế - xã hội và nhập môn Thống kê dân số.

**13. Y học lâm sàng**

Học phần này giới thiệu cách phát hiện, tư vấn và hướng xử trí ban đầu một số bệnh thường gặp.

Nội dung học phần gồm những kiến cơ bản về nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng một số bệnh thường gặp; phát hiện và xử trí ban đầu một số bệnh thường gặp. Trên cơ sở đó biết cách phòng một số bệnh thường gặp trong cộng đồng.

Sau khi học xong học phần này người học sẽ vận dụng được những kiến thức được học vào chăm sóc sức khỏe của gia đình và cộng đồng

**14. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu**

Học phần này giới thiệu những khái niệm về cộng đồng; chức năng và nhiệm vụ của người dân số y tế tại cộng đồng trong việc chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Nội dung học phần gồm những kiến cơ bản về cộng đồng, mối liên quan giữa môi trường, sức khoẻ và dự phòng bệnh tật, các biện pháp kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, cách lập kế hoạch chăm sóc cho cộng đồng.

Học xong học phần này người học sẽ xây dựng được ý thức cộng đồng về vệ sinh an toàn thực phẩm, lập kế hoạch chăm sóc để bảo vệ, nâng cao sức khỏe cộng đồng.

**15. Quản lý và tổ chức y tế**

Học phần này giới thiệu những hiểu biết cơ bản về hệ thống y tế Việt Nam trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

Nội dung học phần này gồm những kiến thức cơ bản về hệ thống y tế Việt Nam, trong đó có hệ thống tổ chức dân số - kế hoạch hóa gia đình; đường lối của Đảng và chủ trương chính sách lớn của Nhà nước về công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, dân số - kế hoạch hóa gia đình; các chương trình y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình quốc gia.

Sau khi học xong học phần này người học sẽ hiểu được cơ cấu tổ chức hệ thống y tế Việt Nam để ứng dụng vào quản lý sức khỏe của ngành y tế.

**16. Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng**

Học phần này giới thiệu những khái niệm cơ bản về vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng trong chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.

Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng. Mô tả các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khoẻ cá nhân và cộng đồng; các thành phần dinh dưỡng của thực phẩm, năng lượng và khẩu phần ăn hợp lý; các biện pháp đề phòng ngộ độc thức ăn và vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng ý thức cộng đồng về an toàn thực phẩm.

Sau khi học xong học phần này người học có khả năng hướng dẫn cộng đồng cách lựa chọn thực phẩm, cách chế biến một bữa ăn hợp lý với người bình thường, tuyên truyền giáo dục cho cộng đồng nhằm thay đổi hành vi có lợi cho sức khoẻ con người, góp phần nâng cao sức khoẻ, dự phòng bệnh tật.

**17. Dân số học cơ bản**

Học phần này trang bị cho người học có được những kiến thức cơ bản về dân số và các thành tố cơ bản của quá trình dân số.

Nội dung của học phần gồm những kiến thức cơ bản về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư và chất lượng dân số; những yếu tố ảnh hưởng đến các thành tố của quá trình dân số.

Sau khi học xong học phần này người học thực hành phân tích được các đặc trưng cơ bản về dân số học.

**18. Thống kê dân số y tế**

Học phần này giúp cho người học hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến thống kê y tế và thống kê dân số.

Nội dung của học phần bao gồm các phương pháp thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu của thống kê dân số, tính toán các đặc trưng của dân số và cách thức lập các báo cáo thống kê của ngành y tế và dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Sau khi học xong học phần này người học có thể vận dụng các kiến thức được học vào việc lập các báo cáo thống kê chuyên ngành y tế và dân số - kế hoạch hóa gia đình, có thể dự báo dân số của địa phương bằng phương pháp đơn giản.

**19. Dân số và phát triển**

Học phần này trang bị cho người học những khái niệm cơ bản và sự tác động qua lại giữa các yếu tố dân số và các vấn đề của quá trình phát triển.

Nội dung của học phần bao gồm mối liên quan giữa dân số và kinh tế, dân số và an ninh lương thực, dân số và lao động, việc làm, dân số và đói nghèo, dân số và di dân, đô thị hóa, dân số và môi trường, dân số và giáo dục, dân số và bình đẳng giới, dân số và y tế.

Sau khi học xong học phần này người học có thể phân tích được mối liên quan giữa biến dân số và các biến phát triển; biết cách tư vấn với các nhà hoạch định kế hoạch.

**20. Chính sách dân số**

Học phần này giúp cho học sinh có được những kiến thức cơ bản về chính sách dân số của Việt Nam và một số nước trong khu vực.

Nội dung của học phần bao gồm quan điểm, đường lối về dân số - kế hoạch hóa gia đình của Đảng và Nhà nước; nội dung, đặc điểm và quá trình xây dựng chính sách dân số ở Việt Nam; những bài học kinh nghiệm về việc áp dụng chính sách dân số ở một số n­ước trong khu vực và ở Việt Nam.

Sau khi học xong học phần này người học có thể vận dụng các kiến thức được trang bị để tư vấn cho lãnh đạo trong quá trình tổ chức, thực hiện công việc theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

**21. Chăm sóc sức khoẻ sinh sản/ Kế hoạch hoá gia đình**

Học phần này giúp cho người học có được những hiểu biết cơ bản về khái niệm, nội dung, hướng tiếp cận và tình hình chăm sóc sức khỏe sinh sản/ kế hoạch hóa gia đình trên thế giới và Việt Nam.

Nội dung của học phần bao gồm các nội dung cơ bản về lý thuyết và thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản/ kế hoạch hóa gia đình; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khoẻ sinh sản tại cộng đồng.

Sau khi học xong học phần này người học có thể vận dụng các kiến thức được trang bị vào quá trình tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc y tế.

**22. Tuyên truyền vận động và truyền thông chuyển đổi hành vi về dân** **số/ Sức khỏe sinh sản/ Kế hoạch hóa gia đình**

Học phần này trang bị cho học sinh có hiểu biết cơ bản về truyền thông dân số - kế hoạch hoá gia đình.

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức và kỹ năng về truyền thông, vận động, truyền thông thay đổi hành vi và tư vấn về dân số - kế hoạch hoá gia đình; kiến thức và các kỹ năng cần thiết về truyền thông giáo dục sức khoẻ, dân số - kế hoạch hoá gia đình; xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến dịch truyền thông tại cộng đồng.

Sau khi học xong học phần này học sinh có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng được trang bị vào việc xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông về dân số, kế hoạch hoá gia đình ở địa phương.

**23. Quản lý chương trình dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình**

Học phần này trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý; kiến thức và kỹ năng quản lý chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức chung về quản lý, kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra, giám sát và đánh giá chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Sau khi học xong học phần này học sinh có thể vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động của chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương.

**24. Thực tập cơ bản**

***24.1. Thực tập chăm sóc sức khoẻ ban đầu, vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng tại cộng đồng dân cư***

Điều kiện tiên quyết: Học phần này được thực hiện sau khi học xong các học phần chuyên môn.

Thực hiện các nội dung về chăm sóc sức khoẻ nhân dân tại y tế cơ sở, tư vấn và hướng dẫn cho cá nhân và tập thể về vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng hợp lý.

***24.2. Thực tập lâm sàng tại khoa Nội, Ngoại, Nhi, Truyền nhiễm tại Bệnh viện đa khoa***

Điều kiện tiên quyết: Học phần này được thực hiện sau khi học xong các học phần chuyên môn.

Vận dụng kiến thức đã học theo từng chuyên ngành vào thực tế công việc của người Dân số y tế trong lĩnh vực lâm sàng y học.

***24.3. Thực tập chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình tại khoa Sản và Bệnh viện Phụ Sản***

Điều kiện tiên quyết: Học phần này được thực hiện sau khi học xong các học phần chuyên môn.

- Thực hiện kỹ năng truyền thông tư vấn về sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình cho các bà mẹ và áp dụng những kỹ năng thực hành của người dân số y tế trong chăm sóc bà mẹ và trẻ em.

- Tìm hiểu và thực hành các bước thăm khám thai, tư vấn về sức khoẻ sinh sản - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bà mẹ trẻ em trước và sau sinh. Thực hành đóng vai tư vấn truyền thông về dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khoẻ sinh sản, sử dụng một số phương tiện truyền thông thông dụng ở địa phương.

***24.4. Thực tập tuyên truyền, vận động và truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình tại cộng đồng***

Điều kiện tiên quyết: Học phần này được thực hiện sau khi học xong các học phần chuyên môn.

- Áp dụng kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn cho cá nhân và tập thể về các nội dung liên quan đến chính sách dân số, sức khoẻ sinh sản và hạnh phúc, tương lai của trẻ em ngày mai.

***24.5. Thực tập thống kê dân số (tại Trung tâm y tế quận/huyện, trạm y tế)***

Điều kiện tiên quyết: Học phần này được thực hiện sau khi học xong các học phần chuyên môn.

- Vận dụng kiến thức để phân tích và lồng ghép các biến dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Vận dụng các kiến thức về thống kê dân số để lập kế hoạch và thực hành thống kê dân số y tế cho một khu vực quận/ huyện.

***24.6. Thực tập quản lý chương trình dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình (tại Trung tâm dân số quận/huyện, trạm y tế xã/ phường)***

Sau khi thực tập nghề nghiệp, người học có khả năng lập kế hoạch hoạt động về dân số - kế hoạch hóa gia đình ở xã, phường: dự báo chỉ tiêu kế hoạch, số người sử dụng biện pháp tránh thai, nhu cầu về phương tiện tránh thai, dự kiến kinh phí thực hiện. Công tác quản lý giám sát, và đánh giá công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong các học phần chuyên môn.

**25. Thực tập tốt nghiệp**

Điều kiện tiên quyết: Học phần này được thực hiện sau khi học xong học phần thực hành nghề nghiệp.

**Mục đích:**

Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học của chư­ơng trình đào tạo ngành Dân số y tế vào thực tế công tác chăm sóc sức khoẻ, dân số - kế hoạch hóa gia đình tại cộng đồng và hoàn thiện các kỹ năng để chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp.

\* **Tổ chức thực tập:** Hiệu trưởng quyết định địa điểm, thời gian thực tập, nội dung và chỉ tiêu thực tập của học sinh trong thời gian thực tập tốt nghiệp**.**

**\* Nội dung**: gồm 2 phần:

***+ Phần 1***: 4 tuần

- **Địa điểm thực tập**: Tại Trung tâm y tế; phòng y tế cấp huyện; trạm y tế xã:

- **Nội dung thực tập:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch cho các vấn đề sức khoẻ tại cộng đồng, tham gia các chương trình y tế địa phương, tham gia tuyên truyền giáo dục sức khoẻ trong cộng đồng.

***+ Phần 2***: 4 tuần

**- Địa điểm thực tập:** Tại Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện, Chi cục dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- **Nội dung thực tập:** Học sinh liên hệ và vận dụng các kiến thức về chuyênngành dân số - kế hoạch hóa gia đình, để tổng hợp số liệu và báo cáo thống kê, xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động tháng. Học phần này cung cấp cho học sinh những kiến thức, chỉ tiêu, thông tin dữ liệu về dân số y tế tại cơ sở và cộng đồng. Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích những kiến thức, chỉ tiêu, thông số đó; những kiến thức kỹ năng thực tế về quản lý, tổ chức tại cơ sở thực tập.

Sau khi thực tập tốt nghiệp người học phân tích được, giải thích được các chỉ tiêu kỹ thuật để viết báo cáo tốt nghiệp; có khả năng tổ chức quản lý về dân số y tế ở phạm vi xã, phường.

***Điều kiện tiên quyết***: Sau khi hoàn thành học phần thực tập nghề nghiệp.

**VI. CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình**

Để triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng và hiệu quả, cơ sở đào tạo cần có đủ đội ngũ giáo viên cả về số lượng và chất lượng.

- Đội ngũ giáo viên phải đảm bảo tiêu chuẩn qui định của Luật giáo dục và Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp hiện hành.

- Giáo viên tham gia giảng dạy phải có bằng tốt nghiệp đại học theo từng chuyên ngành và có chứng chỉ đào tạo ngành dân số y tế; hoặc có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực dân số y tế ít nhất là 01 năm trở lên; có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

- Số lượng giáo viên phải đảm bảo tỷ lệ phù hợp theo qui định, trong đó đội ngũ giáo viên cơ hữu của các bộ môn phải đảm bảo tối thiểu 70% khối lượng của chương trình đào tạo.

- Ngoài ra giáo viên tham gia giảng dạy cần có trình độ tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm thực tế để hỗ trợ, phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

**2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập**

Để triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng và hiệu quả, ngoài cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện dạy học dùng chung cho các ngành đào tạo, cơ sở đào tạo phải chuẩn bị các phòng học theo đúng các tiêu chuẩn quy định của Bộ.

- Phòng học lý thuyết: có đủ diện tích, âm thanh và ánh sáng.

- Phòng thực hành: theo yêu cầu của từng học phần và phải có các phòng thực hành chuyên ngành như sau:

+ Phòng thực hành truyền thông tư vấn về sức khoẻ và dân số.

+ Phòng thực hành sức khoẻ sinh sản/ dân số kế hoạch hoá gia đình (Sức khỏe sinh sản/Kế hoạch hóa gia đình).

Các phòng thực hành có đủ mô hình, trang thiết bị, dụng cụ theo quy định của ngành Dân số y tế. Ngoài ra còn có các phòng thực hành khác đảm bảo cho các học phần trong chương trình đào tạo.

- Thư viện: có đủ sách, giáo trình theo các học phần được quy định trong chương trình, có thư viện điện tử.

- Có bộ giáo trình các học phần do nhà trường biên soạn.

- Cơ sở thực tập và thực tế tốt nghiệp:

+ Các bệnh viện đa khoa, bệnh viện Phụ sản

+ Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

+ Phòng y tế, Trạm y tế xã, phường và tại cộng đồng.

**VII. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐỂ XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỤ THỂ :**

1. Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp ngành Dân số y tế quy định cụ thể về nội dung và khối lượng kiến thức, kỹ năng, tỷ lệ giữa lý thuyết, thực hành, thực tập của khóa học 2 năm đào tạo kỹ thuật viên Dân số y tế. Chương trình được cấu trúc thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bố hợp lý về thời gian, phù hợp với quy định của Luật giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu và yêu cầu chất lượng đào tạo.

Chương trình bao gồm các học phần chung, các học phần cơ sở, học phần chuyên môn, thực tập cơ bản và thực tập tốt nghiệp, đồng thời phân bố thời lượng đối với từng học phần, phân bố thời lượng lý thuyết, thực hành và thực tập trong các học phần và toàn bộ chương trình. Ngoài ra chương trình còn giới thiệu danh mục các học phần và mô tả nội dung từng học phần trong chương trình, xác định điều kiện thực hiện chương trình nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đồng thời quy định nội dung thi tốt nghiệp khi kết thúc khóa học.

Danh mục các học phần và khối lượng kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình chỉ là quy định mức tối thiểu, trong đó có các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn. Các học phần bắt buộc là những học phần chứa đựng nội dung kiến thức chủ yếu của mỗi chương trình, bắt buộc học sinh phải tích luỹ. Học phần tự chọn là những học phần chứa đựng nội dung kiến thức cần thiết, đựơc tự chọn nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tích luỹ đủ số đơn vị học trình quy định (các học phần tự chọn được cung cấp ở phần phụ lục). Trong chương trình này quy định 1 đơn vị học trình bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30 tiết đến 45 tiết học thực hành, thí nghiệm, thảo luận, tham quan, bài tập; bằng 45 giờ đến 60 giờ thực tập; 1 tiết học có thời lượng là 45 phút, 1 giờ thực tập có thời lượng là 60 phút.

2. Chương trình được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo cụ thể. Có thể kết cấu lại chương trình của các học phần tự chọn trong các học phần cơ sở và chuyên môn để phù hợp với kế hoạch đào tạo của các trường và có thể xây dựng thành chương trình đào tạo các ngành khác; trong đó khối lượng kiến thức, kỹ năng đào tạo chuyên ngành là 30% tổng khối lượng kiến thức, kỹ năng được bố trí cho các học phần chuyên môn, thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp. Có thể thiết kế chương trình đào tạo liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp lên Cao đẳng, Đại học bằng cách bổ sung các học phần, các nội dung còn thiếu của chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Đại học.

3. Căn cứ các quy định của chương trình khung này, đồng thời căn cứ vào mục tiêu, đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo, yêu cầu sử dụng nhân lực và điều kiện cụ thể, các trường xây dựng thành chương trình đào tạo cụ thể của trường mình và lập kế hoạch đào tạo toàn khóa và kế hoạch đào tạo từng năm học để triển khai thực hiện chương trình. Thành phần tham gia xây dựng chương trình đào tạo cụ thể của trường là những cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy về Dân số y tế, cán bộ khoa học kỹ thuật thuộc các doanh nghiệp có liên quan đến chuyên môn, trong đó cần lựa chọn những người có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm thực tế và có uy tín tham gia xây dựng chương trình. Chương trình đào tạo cụ thể phải được tổ chức thẩm định theo Quy định về thẩm định chương trình giáo dục và giáo trình trường trung cấp chuyên nghiệp của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục tiêu đào tạo phải được cụ thể hoá từ chương trình khung trên cơ sở chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như vị trí và nhiệm vụ phải thực hiện tại nơi làm việc mà người học cần đạt được. Cấu trúc kiến thức, kỹ năng trong chương trình đào tạo phải phù hợp định hướng mục tiêu đào tạo. Thời gian thực tập (bao gồm thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp) được xem như các học phần trong chương trình đào tạo và phải xác định mục tiêu, nội dung, kế hoạch chặt chẽ và được thực hiện tập trung tại trường hoặc tại các cơ sở bên ngoài nhà trường.

Kế hoạch đào tạo phải đảm bảo triển khai đúng chương trình đào tạo, đồng thời vận dụng linh hoạt, phù hợp với đối tượng đào tạo, điều kiện hoàn cảnh cụ thể, việc bố trí các học phần phải đảm bảo tính lôgíc, thuận lợi và hiệu quả.

4. Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình đào tạo và khi kết thúc khóa học được thực hiện theo quy định tại Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung thi tốt nghiệp môn lý thuyết tổng hợp là những kiến thức được tổng hợp từ một số học phần thuộc phần kiến thức cơ sở và chuyên môn trong chương trình đào tạo. Nội dung thi tốt nghiệp môn thực hành nghề nghiệp là những kỹ năng được tổng hợp từ các nội dung phần thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp trong chương trình đào tạo.

**KT.BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**

**Đã ký**

**Phạm Vũ Luận**